

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 119/2024/HS-ST
Ngày 11-12-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Trọng Thứ;

2. Ông Nguyễn Gia Khải.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Minh Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 110/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2024, đối với:

Bị cáo Nguyễn Văn L, sinh ngày 25/10/1996, tại: huyện H, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Công nhân; học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1968 và bà: Bùi Thị H, sinh năm 1971; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Tháng 9/2015 nhập ngũ đến tháng 01/2017 xuất ngũ về địa phương.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/8/2024 cho đến nay.

Bị hại: Anh Đoàn Kim L1, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Văn Q sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn Q, xã B, huyện H, tỉnh Thái Bình

- Chị Nguyễn Thị X sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Chị Nguyễn Thị Kim O sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn M, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Anh Đoàn Kim T1 sinh năm 2004

Địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Chị Nguyễn Thị V sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo; vắng mặt những người tham gia tố tụng khác)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Văn L và Đoàn Kim L1 đều là công nhân của Công ty M, địa chỉ: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Khoảng 12 giờ 20 phút, ngày 31/05/2024, ăn trưa ở công ty X1 quay lại vị trí làm việc. Lúc này, xưởng tắt hết điện nhưng vẫn đủ ánh sáng để L sửa hàng lỗi và ghi sản lượng. Đến 12 giờ 45 phút, bóng điện ở bàn kiểm hàng (QC) vị trí chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Văn Q (làm cùng tổ) bật sáng nên L đã cầm chiếc kéo kim loại (kéo bấm cắt chỉ) dài 11 cm, tay cầm bọc nhựa màu đỏ dài 07 cm, lưỡi dài 04 cm, mũi nhọn sắc và chiếc áo chưa thành phẩm sang cùng sửa. L đứng cách phía sau lưng chị X khoảng 60 cm. Đoàn Kim L1 nằm nghỉ trưa ở vị trí làm gần đó nghe tiếng chị X và anh Q nói chuyện đã dậy đi lại đứng đối diện (qua bàn máy may) với chị X và anh Q nói “*buổi trưa anh, chị nói bé thôi để bọn em ngủ*”. Anh Q gật đầu. Lượng ngược lên nhìn L1. Thấy vậy, L1 hỏi “*mày nhìn gì?*”. Lượng đáp “*em không nhìn gì anh*”. Lăm đi sang, L quay mặt về phía Lăm. Ở tư thế đứng đối diện, cách 50cm, L1 dùng tay phải nắm 01 nhát vào mặt L làm cho L bị choáng ngã ngửa về phía sau (mông và ½ lưng tiếp xúc với nền xưởng). Tiếp đó, L1 dùng tay trái túm ngực Lượng ấn xuống, tay phải nắm liên tiếp nhiều nhát vào mặt và gáy L. Bị đánh, L nắm chụm hai tay vào với nhau (đầu chiếc kéo hướng ra ngoài) đưa lên phía trước mặt và đẩy về phía trước để đỡ. L1 dùng tay ghi gạt tay phải của L ra. L dùng lực của chân và người xoay dịch cơ thể đồng thời tay phải cầm chiếc kéo đâm 3 nhát vào lưng bên trái L1. Xoay được người nghiêng sang trái L lại bị L1 dùng chân (đi giày da) đá một nhát vào mặt. Lượng chống tay trái xuống nền xưởng nhòm người dậy, tay phải cầm kéo đâm một nhát vào hạ sườn trái L1. Lăm xoay người sang phải, L đâm tiếp nhát thứ hai vào phía dưới bên trái lưng L1. Thấy có xô xát, anh Nguyễn Văn Q, chị Nguyễn Thị Kim O, đi lại can ngăn. L đứng dậy cầm theo chiếc kéo nhảy qua bàn làm việc chạy đến phòng nhân sự của công ty. Chiếc kéo bị gãy rơi mất ½ (một bên kéo), ½ chiếc kéo còn lại Lượng cất trong túi quần. Lăm bị thương được anh Đoàn Kim T1, làm cùng tổ, chở đến Bệnh viện Đa khoa huyện Q, sau chuyển Bệnh viện Đa khoa tỉnh T điều trị đến ngày 05/6/2024. Lượng được nhân viên y tế công ty giúp lau rửa vết thương rồi đi về nhà đến ngày 02/6/2024 nhập viện tại Bệnh viện đa khoa huyện H điều trị đến ngày 06/6/2024. Hậu quả: Đoàn Kim L1 bị xây xát da rãnh mũi má bên trái, má bên phải, rách thủng da mặt sau vai trái, nách sau bên trái, lưng bên trái, hố chậu trái, tràn khí màng phổi trái, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 20%. Nguyễn Văn L bị xây xát da,

bầm tím mặt và gáy, gãy xương chính mũi không ảnh hưởng đến chức năng thở, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 08%.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 307/KLTTCT-TTPY, ngày 27/6/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh T: “1. Các kết quả chính: Rãnh mũi má bên trái có 02 vết sẹo nhỏ; Vùng má bên phải có vết sẹo nhỏ; Mặt sau vai trái có vết sẹo nhỏ; đường nách sau bên trái có 03 vết sẹo; Vùng ngực bên trái có 02 vết sẹo; đường nách giữa bên trái tương ứng khoang liên sườn V có vết sẹo nhỏ; vùng hố chậu trái có vết sẹo nhỏ; tràn khí màng phổi trái phải phẫu thuật không để lại di chứng. 2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định: Tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với Đoàn Kim L1 tại thời điểm giám định là 20%”.

- Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 396/KLTTCT-TTPY, ngày 01/8/2024 của Trung tâm pháp y Sở Y tế tỉnh T: “1. Các kết quả chính: Gãy xương chính mũi không ảnh hưởng đến chức năng thở. 2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định: Tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với Nguyễn Văn L tại thời điểm giám định là 08%”

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã mô tả.

Quá trình điều tra bị hại anh Đoàn Kim L1 khai: Anh cùng là công nhân của Công ty M1 với bị cáo Nguyễn Văn L. Anh có dùng tay, chân đấm, đá nhiều nhát vào mặt bị cáo L. Anh bị bị cáo dùng kéo đâm vào vai, nách, lưng, hố chậu làm anh bị thương tích 20%. Anh đã nhận số tiền bị cáo bồi thường 40.000.000 đồng. Anh đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bản cáo trạng số 118/CT-VKSQP ngày 18/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình truy tố Nguyễn Văn L về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134, thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Cố ý gây thương tích”:

Về hình phạt: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134); Điều 50; các điểm b, e, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; khoản 1 và 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 02 (Hai) năm 06 tháng đến 03 (Ba) năm tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 05 (Năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 11/12/2024).

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, khoản 1 Điều 585 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự: ghi nhận sự việc bị cáo

đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho bị hại số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) gồm các chi phí cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe, thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc và bù đắp tổn thất về tinh thần. Bị cáo đã bồi thường xong. Anh L1 gây thương tích cho bị cáo 08%, do bị cáo không yêu cầu anh L1 phải bồi thường nên anh L1 không bồi thường cho bị cáo khoản nào.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu huỷ $\frac{1}{2}$ chiếc kéo bị cáo Nguyễn Văn L sử dụng gây thương tích đối với anh Đoàn Kim L1.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng. Lời khai của bị cáo phù hợp với các căn cứ có trong hồ sơ vụ án: Đơn trình báo và các biên bản ghi lời khai của bị hại Đoàn Kim L1; Biên bản, kiểm tra xác định nơi xảy ra sự việc và sơ đồ nơi xảy ra vụ việc (kèm bản ảnh) do Công an xã Q, huyện Q lập hồi 17 giờ 30 phút ngày 10/6/2024; Biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường (kèm bản ảnh) do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q lập ngày 29/6/2024, tại Công ty M; Biên bản tạm giữ, niêm phong đồ vật, tài liệu (1/2 chiếc kéo) do Công an xã Q, huyện Q lập ngày 11/6/2024; Biên bản truy tìm vật chứng (1/2 chiếc kéo) do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q lập ngày 29/6/2024; Biên bản xác định thương tích ban đầu của Đoàn Kim L1 do Công an xã Q lập ngày 11/6/2024 và Cơ quan

Cảnh sát điều tra Công an huyện Q lập ngày 01/10/2024 tại Bệnh viện đa khoa huyện Q, tỉnh Thái Bình; Bệnh án ngoại khoa của Bệnh viện đa khoa tỉnh T; Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 307/KLTTCT-TTPY, ngày 27/6/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh T; Bệnh án khoa ngoại tổng hợp của Bệnh viện đa khoa huyện H, tỉnh Thái Bình; Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 396/KLTTCT-TTPY, ngày 01/8/2024 của Trung tâm pháp y Sở Y tế tỉnh T; Biên bản ghi lời khai của bị hại; Biên bản ghi lời khai của người làm chứng, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ 45 phút, ngày 31/5/2024, tại xưởng của Công ty M, ở thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, do mâu thuẫn nên Đoàn Kim L1 có hành vi dùng tay nắm, chân đá nhiều nhát vào gáy và mặt Nguyễn Văn L. Nguyễn Văn L có hành vi dùng kéo kim loại dài 11cm (tay cầm bọc nhựa màu đỏ dài 07 cm, lưỡi dài 04 cm) mũi nhọn sắc, loại hung khí nguy hiểm, đâm vào vai, nách, lưng, hố chậu bên trái của Đoàn Kim L1. Hậu quả: Đoàn Kim L1 bị xây xước da rãnh mũi má bên trái, má bên phải, rách thủng da mặt sau vai trái, nách sau bên trái, lưng bên trái, hố chậu trái, tràn khí màng phổi trái, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 20%. Nguyễn Văn L bị xây xước da, bầm tím mặt và gáy, gãy xương chính mũi không ảnh hưởng đến chức năng thở, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 08%.

Hành vi của bị cáo đã phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự).

Điều 134. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

...

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.”.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ truy tố bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 thuộc trường hợp quy định tại điểm a (Dùng hung khí nguy hiểm) khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của bị cáo đã gây mất trật tự trị an xã hội và tạo dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Bị cáo đã đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nhận thức được hành vi gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng trong khi xảy ra xô xát, bị anh L1 dùng tay, chân tấn công trước, tấn công liên tiếp nhiều nhất vào má, mặt, gáy của bị cáo L nên bị cáo L đã có hành vi dùng kéo bằng kim loại là hung khí nguy hiểm đâm vào vai, nách, lưng, hố chậu bên trái của anh L1 gây thương tích cho anh L1 với tỷ lệ thương tích 20%. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật với mức án tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo thấy: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã tích cực bồi thường cho bị hại. Bị hại dùng tay, chân đâm, đá liên tiếp nhiều nhất vào má, mặt, gáy bị cáo, dẫn đến bị cáo kích động về tinh thần nên mới có hành vi cầm kéo đâm bị hại. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, e và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, bị hại anh Đoàn Kim L1 có đơn xin giảm nhẹ nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người có nhân thân tốt.

[5] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy: bị cáo có nhân thân tốt, quá trình sinh sống luôn chấp hành đúng pháp luật; bị cáo có nơi cư trú ổn định rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có khả năng tự cải tạo nên cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp và đảm bảo được mục đích của hình phạt.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Văn L đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho Đoàn Kim L1 số tiền 40.000.000 đồng. Anh Đoàn Kim L1 đã nhận đủ số tiền. Cả hai không còn yêu cầu đề nghị gì về bồi thường dân sự nên cần ghi nhận là phù hợp với khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, khoản 1 Điều 585 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự. Anh L có gây thương tích cho bị cáo 8% nhưng bị cáo không yêu cầu anh L1 phải bồi thường nên về trách nhiệm dân sự giữa bị cáo và anh L không đặt ra giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: ½ chiếc kéo bị cáo Nguyễn Văn L sử dụng gây thương tích đối với Đoàn Kim L1 bị gãy rơi trên đường chạy từ vị trí xảy ra vụ án đến phòng nhân sự của Công ty M, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy, ½ chiếc kéo còn lại quản lý của bị cáo là công cụ

dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Các vấn đề khác: Trong vụ án, Đoàn Kim L1 đã có hành vi tay nắm, chân đạp nhiều nhát vào mặt và gáy, gây thương tích cho bị cáo Nguyễn Văn L với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 08%. Do hành vi của L1 không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển Công an huyện Q ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với L1 là đúng pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134); Điều 50; các điểm b, e, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/12/2024).

Giao bị cáo Nguyễn Văn L cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, khoản 1 Điều 585 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự: ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại về việc bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*). Bị cáo đã bồi thường xong.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên tịch thu tiêu hủy: ½ chiếc kéo bằng kim loại.

(Vật chứng trên đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng tài sản giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ ngày 18/11/2024)

5.Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6.Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại anh Đoàn Kim L1 vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- Bị cáo
- Bị hại;
- VKSND h. Quỳnh Phụ;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan CSĐT; Cơ quan THAHS Công an huyện Hưng Hà;
- UBND xã Đoan Hùng, h.Hưng Hà;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- TAND & Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên